

Số: 49/2022/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 28 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
*V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Anh Tuấn.

*Thư ký phiên họp:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp:* Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 73 R Street P NSW 2196, Australia.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1977.

HKTT: Tổ 5, phường T S, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

(Bà H và ông T đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 07/10/2022 và các lời khai tiếp theo, Bà Phạm Thị Thu H và ông Trần Văn T đều trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 09/4/2014 tại Ủy ban nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống ở hai đất nước khác nhau Việt Nam - Australia. Ông T không làm thủ tục sang được Australia nên hai vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại một thời gian ngắn sau đó không thường xuyên liên lạc với nhau nữa. Hiện nay hai vợ chồng đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân với nhau thời gian dài. Nên

Bà H và ông T thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông T đều xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Bà H và ông T đều xác định vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí, lệ phí, chi phí tố tụng khác: Bà H và ông T thống nhất ông Trần Văn T là người nộp và chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Bà H và ông T đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung việc dân sự:

Căn cứ các Điều 51,55,123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 397, 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Bà Phạm Thị Thu H và ông Trần Văn T;

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Văn T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Thu H là người có quốc tịch Australia, ông Trần Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 5, phường T S, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng thẩm quyền.

Bà H và ông T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt Bà H và ông T là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu H và ông Trần Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày tại UBND thành phố V T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống ở hai đất nước khác nhau Việt Nam - Australia. Ông T không làm thủ tục sang được Australia nên hai vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại một thời gian ngắn sau đó không thường xuyên liên lạc với nhau nữa. Hiện nay hai vợ chồng đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân với nhau thời gian dài. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của Bà H và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Trần Văn T đều xác định vợ chồng không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Bà Phạm Thị Thu H và ông Trần Văn T đều xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị Thu H và ông Trần Văn T thống nhất ông T là người chịu toàn bộ lệ phí, cần được chấp nhận.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Bà Phạm Thị Thu H và ông Trần Văn T.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Trần Văn T đều xác định vợ chồng không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Bà Phạm Thị Thu H và ông Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000338 ngày 24/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND thành phố V T;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Anh Tuấn**